

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí xây dựng các mô hình áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2015 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 308/Tr-SNN ngày 26 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo giải trình số 34/BC-SNN ngày 07 tháng 01 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nội dung và mức hỗ trợ kinh phí xây dựng các mô hình áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2015 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Công thương; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Đắk Nông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Đức*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP: Hoàng Văn Thuận;
- Lưu: VT, KHTH, NN (Ho).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
KH. CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Luyện

QUY ĐỊNH

Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí xây dựng các mô hình áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03 /2015/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này nhằm cụ thể hóa thực hiện một số chính sách hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất, sơ chế các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP (Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ) áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trong giai đoạn từ năm 2015 - 2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, sơ chế (người sản xuất) các loại sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn thuộc danh mục sản phẩm được hỗ trợ theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

Điều 3. Danh mục sản phẩm được hỗ trợ theo quy định này

1. Sản phẩm trồng trọt: Rau, quả, chè, cà phê, hồ tiêu, lúa, khoai lang, cây dược liệu.
2. Sản phẩm chăn nuôi: Lợn, bò sữa, gia cầm, thủy cầm, ong mật.
3. Sản phẩm thủy sản: Các loại cá nước ngọt (Cá tra, cá rô phi, diêu hồng, cá lăng, cá tầm, cá mè, cá lóc, cá trắm) và đang nuôi theo kiểu bán công nghiệp và thâm canh trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Điều kiện người sản xuất được hỗ trợ

1. Người sản xuất được hỗ trợ áp dụng các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông lâm nghiệp, thủy sản (gọi chung là VietGAP) và các tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp an toàn khác như: GlobalGAP, 4C, UTZ Certified, Rain Forest... (gọi chung là GAP) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hoặc công nhận cho áp dụng tại Việt Nam, phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 của Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư.

2. Có địa điểm sản xuất, kinh doanh ổn định phù hợp với quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh, huyện và quy mô sản xuất phải đạt được các tiêu chí sau:

a) Đối với trồng trọt.

- Cây ăn quả, chè, cà phê, hồ tiêu, lúa, khoai lang phải có diện tích tập trung tối thiểu từ 02 ha trở lên;

- Rau, cây dược liệu phải có diện tích từ 2.000 m² trở lên, nếu sản xuất trong nhà lưới, nhà kính phải đạt từ 1.000 m² trở lên (kể cả công trình phụ trợ).

b) Đối với chăn nuôi.

- Lợn thịt từ 100 con trở lên, lợn sinh sản từ 50 con nái sinh sản trở lên; bò thịt từ 50 con trở lên; bò sữa từ 10 con trở lên;

- Gia cầm nuôi sinh sản lấy trứng từ 500 con trở lên;

- Gia cầm nuôi lấy thịt từ 1.000 con trở lên;

- Chăn nuôi ong mật từ 500 đàn trở lên.

c) Đối với nuôi trồng thủy sản.

- Nuôi ao: Diện tích ao từ 5.000 m² trở lên hoặc sản lượng thu hoạch từ 5 tấn/vụ trở lên, áp dụng đối với nuôi bán thâm canh và thâm canh;

- Nuôi lồng bè: Áp dụng đối với lồng nuôi năng suất đạt 20 tấn/ha/vụ trở lên

d) Đối với cơ sở sơ chế nông sản "tiếp nhận nguyên liệu, phân loại, rửa,... đóng bao/shot, thùng" diện tích nhà xưởng phải có tối thiểu từ 30 m² trở lên.

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% kinh phí cho điều tra khảo sát cơ bản về địa hình, điều kiện tự nhiên hiện có, lấy mẫu xét nghiệm (đất, nước, không khí) để xác định vùng đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tập trung an toàn đáp ứng yêu cầu sản xuất VietGAP theo dự toán thực hiện dự án Viet GAP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ lần đầu 100% kinh phí xét nghiệm mẫu sản phẩm theo các quy định hiện hành của từng loại sản phẩm.

3. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn về kiến thức thực hiện áp dụng quy trình VietGAP và chuyển giao các tài liệu, biểu mẫu ghi chép, theo dõi quá trình sản xuất cho tổ chức, cá nhân tham gia áp dụng VietGAP.

4. Hỗ trợ người sản xuất một lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận, đánh giá để cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP (lần đầu hoặc cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP), cơ quan thực hiện chịu trách nhiệm chi trả về giá dịch vụ chứng nhận sản phẩm VietGAP.

5. Hỗ trợ một số trang-thiết bị, công cụ phục vụ sản xuất như: Nhà sơ chế, khu tập kết sản phẩm; kho bảo quản vật tư; hệ thống xử lý chất thải; bảng biểu (nội quy, phân lô, cảnh báo, tủ đựng thuốc Bảo vệ thực vật, thuốc Thú y; dụng

cụ sản xuất, sơ chế, bảo hộ lao động; tử thuốc gia đình) cho cơ sở đăng ký tham gia áp dụng VietGAP; tùy theo điều kiện trang bị cơ sở vật chất hiện có và nhu cầu của từng cơ sở để hỗ trợ.

6. Hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM). Nội dung chi và mức chi thực hiện theo Thông tư liên tịch số 183/2010-TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ: Tài chính - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tùy vào số lượng cơ sở đăng ký thực hiện và nguồn kinh phí nhà nước phân bổ hàng năm để lựa chọn các hạng mục hỗ trợ nêu tại các khoản 1,2,3,4,5,6 của Điều này cho phù hợp với thực tiễn trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng mức hỗ trợ tối đa cho 01 cơ sở (mô hình) áp dụng VietGAP (hoặc các tiêu chuẩn GAP khác) không quá 50 triệu đồng (*Năm mươi triệu đồng*) đối với hộ gia đình, cá nhân; không quá 100 triệu đồng (*Một trăm triệu đồng*) đối với Hợp tác xã, Tổ hợp tác, doanh nghiệp.

Ngoài các nội dung và mức hỗ trợ nêu trên, các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản còn được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn khác theo các quy định hiện hành của Nhà nước, nhưng không được trùng lặp với các nội dung nêu trên.

Điều 6. Trình tự, thủ tục hỗ trợ thực hiện VietGAP

1. Thành phần hồ sơ.

a) Giấy đăng ký áp dụng VietGAP theo mẫu phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư.

b) Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm cụ thể.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Trình tự thực hiện.

a) Vào quý I hàng năm, người sản xuất có nhu cầu được hỗ trợ kinh phí để thực hiện VietGAP theo các nội dung nêu tại Điều 5 bản Quy định này, làm giấy đăng ký áp dụng VietGAP gửi Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tại nơi có địa điểm đăng ký áp dụng VietGAP xác nhận.

b) Người sản xuất hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy định này và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thị xã Gia Nghĩa.

Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thị xã Gia Nghĩa kiểm tra thực tế tại cơ sở, nếu cơ sở đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 4 Quy định này thì tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã ban hành



Quyết định hỗ trợ từ nguồn ngân sách huyện, thị xã và giao cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế thị xã thực hiện. Nếu cơ sở không đáp ứng yêu cầu quy định thì làm văn bản trả lời để người sản xuất biết ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra.

Trường hợp các huyện, thị xã không bố trí được nguồn kinh phí hỗ trợ thì Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thị xã tổng hợp các hồ sơ của các cơ sở đủ điều kiện thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, xem xét đề xuất hỗ trợ.

c) Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập đoàn (gồm đại diện các đơn vị liên quan trực thuộc Sở) đi thăm tra lại điều kiện thực tế tại cơ sở, báo cáo lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định lựa chọn các cơ sở đáp ứng các điều kiện để hỗ trợ mô hình áp dụng VietGAP.

Trên cơ sở dự toán được giao hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Trường hợp người đăng ký sản xuất GAP không đáp ứng các điều kiện để triển khai áp dụng GAP thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra thông báo (bằng văn bản) trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, sau khi kết thúc kiểm tra, thông báo cho người sản xuất biết và nêu rõ lý do cụ thể.

Điều 7. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Kinh phí hỗ trợ được sử dụng từ các nguồn sau:

1. Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, vốn sự nghiệp nông nghiệp, vốn sự nghiệp khoa học công nghệ.

2. Vốn chương trình Mục tiêu quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm (Dự án 5: Bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất nông, lâm, thủy sản) theo Quyết định số 1228/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Kinh phí khuyến nông theo Nghị định số 02/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08 tháng 01 năm 2010 về khuyến nông và Thông tư số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ: Tài chính - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

4. Các nguồn vốn hỗ trợ thuộc các chương trình, dự án khác.

a) Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành nông nghiệp đến năm 2020 thuộc chương trình Quốc gia Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020 (Quyết định số 635/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ).

b) Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng chính phủ).

c) Các chương trình, dự án khác có liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, tổ chức triển khai thực hiện; theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện chương trình áp dụng VietGAP trên địa bàn tỉnh và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo, giải quyết các vướng mắc, phát sinh (nếu có).

b) Hàng năm, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện trên địa bàn tỉnh, phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư để thống nhất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện chương trình.

c) Tổ chức điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, xác định các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo VietGAP; tham mưu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chí vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tập trung đủ điều kiện để áp dụng VietGAP và các tiêu chuẩn GAP khác.

d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã xét duyệt hồ sơ của đối tượng đăng ký, thực hiện hỗ trợ các cơ sở xây dựng mô hình và chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí theo đúng chế độ quy định hiện hành.

đ) Phối hợp với các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp - Phát triển nông thôn và các tổ chức chứng nhận VietGAP được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định, để kiểm tra đánh giá chứng nhận cho các cơ sở áp dụng VietGAP trên địa bàn tỉnh.

g) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với các Bộ, ngành Trung ương thông qua các chương trình, dự án để hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp kết cấu hạ tầng (giao thông, kênh mương tưới tiêu, điện hạ thế) cho các vùng có đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tập trung để áp dụng tiêu chuẩn VietGAP.

h) Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở sản xuất được hỗ trợ VietGAP và các GAP khác trên địa bàn tỉnh, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn lồng ghép của các chương trình, dự án để thực hiện chính sách theo Quy định này.

3. Sở Tài chính căn cứ vào đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và khả năng cân đối ngân sách tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí

Kinh phí sự nghiệp hàng năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

4. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã hàng năm căn cứ kết quả thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp tốt thực hiện chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, đầu tư xây dựng các quầy hàng điểm kinh doanh phân phối, tiêu thụ sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP và tuyên truyền, vận động người tiêu dùng sử dụng sản phẩm an toàn đã được chứng nhận VietGAP.

5. Sở Khoa học và Công nghệ bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ hàng năm và phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ và nhân rộng các mô hình áp dụng tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh.

6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Đắk Nông chi đạo các Ngân hàng Thương mại trên địa bàn tỉnh xem xét ưu tiên bố trí nguồn vốn vay cho các chương trình, dự án sản xuất, sơ chế sản phẩm nông lâm thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Đắk Nông thực hiện truyền thông giới thiệu các mô hình về sản xuất, sơ chế, chế biến tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo VietGAP.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:

a) Có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ trực thuộc lập dự toán kinh phí sự nghiệp hàng năm để triển khai chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn huyện, thị xã theo quy định hiện hành.

b) Cân đối và bố trí ngân sách địa phương hàng năm để hỗ trợ các cơ sở trên địa bàn thực hiện chương trình phát triển sản xuất, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP.

9. Người sản xuất thực hiện VietGAP

a) Lập hồ sơ đăng ký theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

b) Thực hiện đúng các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và các quy định, hướng dẫn liên quan về VietGAP và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

10. Trong quá trình thực hiện bản quy trình này nếu có những khó khăn, vướng mắc các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện mô hình VietGAP báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và tham mưu cho UBND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.